

Số: /TB-THADS

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

## THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

### I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

#### 1. Tài sản đấu giá:

1.1. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 48, diện tích 154,0 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995370, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4240 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.307.460.000 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.2. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26, tờ bản đồ số 48, diện tích 129,1 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995371, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4241 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.159.318.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi chín triệu ba trăm mười tám nghìn đồng).

1.3. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 27, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,9 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995372, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4242 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.157.522.000 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

1.4. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,8 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995373, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4243 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.156.624.000 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng*).

1.5. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995374, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4244 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.154.828.000 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi bốn triệu tám trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

1.6. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,5 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995375, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4245 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.153.930.000 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi ba triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*).

1.7. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 31, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,4 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995376, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4246 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.153.032.000 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi ba triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

1.8. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,2 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995377, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4247 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.151.236.000 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng*).

1.9. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ số 48, diện tích 128,1 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995378, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4248 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.150.338.000 đồng (*Một tỷ một trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

1.10. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 48, diện tích 127,9 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995379, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4249 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.148.542.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng*).

1.11. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 48, diện tích 127,8 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995380, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4250 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.147.644.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

1.12. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 48, diện tích 127,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995381, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4251 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.145.848.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

1.13. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 48, diện tích 127,5 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995382, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4252 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.144.950.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

1.14. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 48, diện tích 127,3 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995383, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4253 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.143.154.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi ba triệu một trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

1.15. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 48, diện tích 127,2 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995388, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4255 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.142.256.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

1.16. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 48, diện tích 127,1 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995389, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4256 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.141.358.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi một triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

1.17. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 48, diện tích 126,9 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995396, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4257 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.139.562.000 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi chín triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

1.18. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 48, diện tích 127,8 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995387, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4254 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.147.644.000 đồng (*Một tỷ một trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

1.19. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 143, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,5 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995353, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4223 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.034.280.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi tư triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*).

1.20. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 144, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995354, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4224 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.21. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 145, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995355, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4225 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.22. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 147, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995356, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4226 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.23. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995357, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4227 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.24. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 149, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995358, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4228 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.25. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 150, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995359, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4229 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.26. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995360, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4230 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.27. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 152, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995361, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4231 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.28. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995362, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4232 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.29. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 154, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995363, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4233 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.30. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995364, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4234 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.31. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995365, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4235 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.32. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995366, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4236 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.33. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995367, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4237 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.34. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 159, tờ bản đồ số 6, diện tích 110,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995368, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4238 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.035.216.000 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi lăm triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng*).

1.35. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 6, diện tích 115,0 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995369, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4239 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.076.400.000 đồng (*Một tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*).

1.36. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 35, tờ bản đồ số 2, diện tích 125,0 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995350, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4220 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.133.750.000 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

1.37. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 2, diện tích 125,1 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995351, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4221 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.134.657.000 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi tư triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

1.38. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 2, diện tích 125,1 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995352, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4222 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.134.657.000 đồng (*Một tỷ một trăm ba mươi tư triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

1.39. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 48, diện tích 122,2 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995332, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4202 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.108.354.000 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ tám triệu ba trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

1.40 Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7, diện tích 122,1 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995333, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4203 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.107.447.000 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*).

1.41. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 128, tờ bản đồ số 7, diện tích 122,0 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995334, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4204 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.106.540.000 đồng (*Một tỷ một trăm lẻ sáu triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*).

1.42. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995335, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4205 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.43. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995336, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4206 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.44. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995337, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4207 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.45. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 39, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995338, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4208 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.46. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995339, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4209 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.47. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995340, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4210 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.48. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995341, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4211 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.49. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995342, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4212 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.50. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995343, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4213 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.51. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995344, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4214 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.52. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995345, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4215 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.53. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995346, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4216 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.54. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995347, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4217 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.55. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995348, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4218 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

1.56. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 2, diện tích 130,6 m<sup>2</sup> tại Khu dân cư Tam Quang, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, người sử dụng đất, chủ sở hữu gắn liền với đất: Bà Phạm Thị Thu Trang, CCCD: 049182017589 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 02995349, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: VP 4219 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam cấp ngày 31/7/2025).

Giá khởi điểm: 1.167.564.000 đồng (*Một tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

2. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn:

Công ty Đấu giá Hợp danh Tài chính và Giá cả Việt Nam, địa chỉ: Số 108 Lê Lợi, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

Tổng số điểm: 96 điểm

3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không

## **II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>Công ty đấu giá hợp danh Tài chính &amp; Giá cả Việt Nam</b>	<b>Công ty đấu giá hợp danh Bảo Việt</b>	<b>Công ty đấu giá hợp danh Hòa Thuận</b>
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>			
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện

2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố			
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19,0</b>	<b>19,0</b>	<b>19,0</b>
<b>1.</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>10,0</b>	<b>10,0</b>	<b>10,0</b>
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0	5,0
<b>2.</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0	3,0
<b>3.</b>	<b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b> <b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b>	<b>2,0</b>	<b>2,0</b>	<b>2,0</b>
<b>4.</b>	<b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã</b>	<b>1,0</b>	<b>1,0</b>	<b>1,0</b>

	<i>thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>			
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>
III	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả</b>	<b>16,0</b>	<b>16,0</b>	<b>16,0</b>
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>	<i>2,0</i>
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>	<i>4,0</i>
IV	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	<b>56,0</b>	<b>54,0</b>	<b>51,5</b>
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i>	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>	<i>15,0</i>
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>			

1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>			
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>			
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0	15,0	15,0
2.	<b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i></b>	<b>7,0</b>	<b>7,0</b>	<b>7,0</b>
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>			
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>			
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>			
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0	7,0	7,0
3.	<b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</i></b>	<b>7,0</b>	<b>7,0</b>	<b>7,0</b>
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>			
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>			
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>			
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0	7,0	7,0
4.	<b><i>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</i></b>	<b>3,0</b>	<b>1</b>	<b>1,5</b>
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất</i>	3,0		
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề</i>			1,5
4.3	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</i>		1	

	<i>có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo</i>			
<b>5.</b>	<b><i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động</i></b>	<b>6,0</b>	<b>6,0</b>	<b>5,0</b>
5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 5 năm</i>			
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>			5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0	6,0	
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>			
<b>6.</b>	<b><i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i></b>	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>	<b>3,0</b>
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>			
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>			3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0	4,0	
<b>7.</b>	<b><i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp đấu giá tư nhân</i></b>	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>	<b>4,0</b>
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>			
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>			
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0	4,0	4,0
<b>8.</b>	<b><i>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</i></b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>			
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>			
8.3	<i>Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0	5,0	5,0

9.	<b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, trừ thuế giá trị gia tăng</b>	5,0	5,0	4,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng			
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng			4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	5,0	
V	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	5,0	5,0	5,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	1,0	1,0	1,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	0	0	0
3.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá, không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0	4,0	4,0
4.	Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)	0,0	0,0	0,0
	<b>Tổng</b>	<b>96</b>	<b>94</b>	<b>91,5</b>

**Nơi nhận:**

- Công TT điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử của THADS TP Đà Nẵng (để đăng tải);
- Công TTĐT của Cục QLTHADS (đăng tải);
- Viện kiểm sát nhân dân tp Đà Nẵng;
- Đường sự (để biết);
- Lưu: VT, HSTHA.

**CHẤP HÀNH VIÊN****Ngô Văn Mỹ**